

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2019/HSST

Ngày: 04/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mai Anh

Nghề nghiệp: cán bộ - Liên Đoàn Lao động Quận 4

2. Ông Nguyễn Hữu Đức

Nghề nghiệp: cán bộ - Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội Quận 4.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình - cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:

Ông Đoàn Quốc Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 – 22/1 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN VŨ L**; tên gọi khác: Không, sinh ngày 19/8/1988 tại An Giang; giới tính: Nam; đăng ký HKTT: 1087B, ấp A, Thị trấn B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: thợ sửa điện nước; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1963 và bà Tô Thị N, sinh năm 1962; vợ, con: không; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 02/11/2018 “có mặt”.

+ *Người bị hại:*

Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1966 “có mặt”

Địa chỉ: 109A Nguyễn T, Phường X, Quận C Tp. Hồ Chí Minh.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Ngô Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: 882 B, phường T, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh. “vắng mặt”

2/ Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp 1A, xã D, huyện E, tỉnh Bạc Liêu. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vũ L là người thuê phòng trọ tại lầu 2 nhà số 109A Nguyễn T, Phường X, Quận C do bà Hoàng Thị H làm chủ. L thường xuyên đi qua phòng bà H tại lầu 1 nên biết bà H không khóa cửa phòng. Do không có tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà H. Để thực hiện, khoảng 18 giờ 30 ngày 01/8/2018, L biết bà H đã đi ra ngoài, phòng không có người trông coi nên L lên phòng mình tại lầu 2 lấy 01 cây kim bỏ vào túi quần đang mặc rồi xuống phòng chị H. Vào phòng, L thấy có 03 tủ bằng kim loại, tủ đặt ở giữa có khóa nên L nghĩ trong tủ có tài sản. L dùng kim kẹp vào khoen để bắm ổ khóa của cửa tủ bẻ làm bung khoen, L dùng tay trái kéo hở cánh cửa tủ, tay phải đưa vào trong gạt khóa thì mở được cánh tủ. L tìm trong ngăn tủ bên phải thì thấy trong túi áo khoác màu cam có 01 bóp nữ màu nâu, trong bóp có 01 sợi dây chuyền khoen lật bằng kim loại màu vàng, có mặt đá hình đồng điều màu xanh bọc bên ngoài bằng kim loại màu vàng; 01 lắc đeo tay khoen lật bằng kim loại màu vàng. L chiếm đoạt số tài sản này rồi lên phòng mình cất giấu cây kim. Sau đó, L đến tiệm vàng K tại số 882 B, phường T, Quận P gặp bà Ngô Thị T (sinh năm 1980; ngụ: thôn Q, xã S, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) bán số tài sản mới chiếm đoạt được. Bà T kiểm tra và cân thì số tài sản L bán là vàng 18k, khối lượng 01 lượng 03 chỉ, chị T mua với giá 23.600.000 đồng. Có tiền L nhờ bạn gái tên Huỳnh Thị B (sinh năm 1994; ngụ: ấp 1A, xã D, huyện E, tỉnh Bạc Liêu) giữ dùm 22.000.000 đồng. L trả cho bà H 1.000.000 đồng tiền nợ trước đó.

Đến 18 giờ 45 cùng ngày, bà H về nhà phát hiện bị mất tài sản nên trình báo tại Công an Phường X, Quận 4. Công an Phường X, Quận 4 xác định L là đối tượng nghi vấn nên mời về trụ sở làm rõ. L đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên và giao nộp lại số tiền 600.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 129/KL-HĐĐG ngày 11/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xác định: 01 mặt đồng điều bằng cẩm thạch hình tròn, trọng lượng 02 phân 9, có lỗ ở giữa được bọc bằng vàng 18k bên ngoài, đã qua sử dụng có giá trị là 910.000 đồng; 01 sợi dây chuyền khoen lật bằng vàng 18k, trọng lượng 05 chỉ 3 phân 9, đã qua sử dụng có giá trị là 12.790.000 đồng; 01 lắc đeo tay khoen lật bằng vàng 18k, trọng lượng 04 chỉ 9 phân, đã qua sử dụng có giá trị là 12.750.000 đồng.

Đối với bà Ngô Thị T, khi mua tài sản do L trộm cắp mà có, bà T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra chỉ ghi lời khai với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sau khi mua số vàng, bà T đã nấu chảy và bán cho người mua vàng dạo nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với Huỳnh Thị B, khi giữ dùm số tiền L gửi B cũng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Khi biết đây là tài sản do phạm tội mà có, B đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 22.009.000 đồng. Trong đó có 9.000 đồng là tiền cá nhân của B.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 17/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đã truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Vũ L khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Người bị hại bà Hoàng Thị H xác nhận về phần bồi thường dân sự gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà số tiền là 2.840.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi được số tiền bị cáo bán tài sản chiếm đoạt của bà là 23.600.000 đồng. Do đó, bà xin nhận lại số tiền này và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Bị cáo đồng ý với ý kiến và yêu cầu của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 giữ quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Vũ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù, miễn hình phạt bổ sung và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và rất hối hận nên không có ý kiến tham gia tranh luận; bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau và còn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như bản kết luận định giá tài sản số 129/KL-HĐĐG ngày 11/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 18 giờ 30 ngày 01/8/2018 tại lầu 1 nhà số 109A Nguyễn T, Phường X, Quận C, L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Hoàng Thị H 01 mặt đồng điều bằng cẩm thạch hình tròn, trọng lượng 02 phân 9, có lỗ ở giữa được bọc bằng vàng 18k bên ngoài, đã qua sử dụng có giá trị là 910.000 đồng; 01 sợi dây chuyền khoen lật bằng vàng 18k, trọng lượng 05 chỉ 3 phân 9, đã qua sử dụng có giá trị là 12.790.000 đồng; 01 lắc đeo tay khoen lật bằng vàng 18k, trọng lượng 04 chỉ 9 phân, đã qua sử dụng có giá trị là 12.750.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 26.450.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn trên địa

bản. Để nghiêm trị hành vi trái pháp luật thực hiện do lỗi cố ý, đối với bị cáo cần có mức án tương ứng với tính chất vụ án và mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo để xử phạt. Tuy nhiên tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường một phần giá trị tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại và số tiền bán tài sản chiếm đoạt được đã được thu hồi nên áp dụng điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Ngoài ra, do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Đối với tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, người bị hại là bà Hoàng Thị H xác nhận về phần bồi thường dân sự gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà số tiền là 2.840.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản nhưng đã thu hồi được số tiền bị cáo bán toàn bộ tài sản chiếm đoạt là 23.600.000 đồng. Do đó, bà xin nhận lại số tiền này và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Bị cáo đồng ý với ý kiến và đề nghị của bà H. Xét đề nghị của bà H là có căn cứ và hợp pháp nên chấp nhận.

[5] Xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 357338087140573 là tài sản của Nguyễn Vũ L không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo.

- 01 kim cắt dài 18,5cm, phần đầu bằng kim loại dài 06cm nhọn và 2 cạnh sắc, phần tay cầm bọc nhựa màu xanh – đen, dài 12,5cm, đây là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 áo thun ngắn tay màu đen, phía trước có dòng chữ ARMANI EMPORIO, cổ áo và viền ống tay màu trắng; 01 quần lửng kaki màu xanh. Đây là trang phục cá nhân của L cần trả lại cho bị cáo. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/01/2019 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

- Số tiền 23.609.000 đồng (do bà H giao nộp 1.000.000 đồng, bị cáo L giao nộp 600.000 đồng và B giao nộp 22.009.000 đồng). Xét số tiền 23.600.000 đồng là tiền do bị cáo L bán tài sản chiếm đoạt của bà H mà có đã được thu hồi, hiện nay, tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được nên chấp nhận yêu cầu của bà H trả lại cho bà số tiền 23.600.000 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng); Còn số tiền 9.000 đồng là tiền cá nhân của B không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho B. (Theo Giấy nộp tiền vào Kho Bạc Nhà nước Quận 4 của Công an Quận 4 đề ngày 17/12/2018).

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp số tiền là 200.000 ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Vũ L 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 11 năm 2018. Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Trả cho Nguyễn Vũ L 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 357338087140573 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; trả cho Nguyễn Vũ L 01 áo thun ngắn tay màu đen, phía trước có dòng chữ ARMANI EMPORIO, cổ áo và viền ống tay màu trắng; 01 quần lửng kaki màu xanh.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 kim cắt dài 18,5cm, phần đầu bằng kim loại dài 06cm nhọn và 2 cạnh sắc, phần tay cầm bọc nhựa màu xanh – đen, dài 12,5cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/01/2019 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4)

- Số tiền 23.609.000 đồng, trong đó: Trả cho bà Hoàng Thị H số tiền là 23.600.000 đồng và Trả cho Huỳnh Thị B số tiền 9.000 đồng (Theo Giấy nộp tiền vào Kho Bạc Nhà nước Quận 4 của Công an Quận 4 đề ngày 17/12/2018)

- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------|-----|
| . Bị cáo | (1) |
| . Người tham gia tố tụng | (2) |
| . CA TPHCM (PC 53) | (1) |
| | (1) |
| . TAND TP.HCM | (1) |
| . Sở Tư pháp TP.HCM | (2) |
| . VKSND Q4 | (2) |
| . CA Q4 | (1) |
| . THADS Q4 | (3) |
| . THAHS Q4 | (2) |
| . Lưu VP - hồ sơ. | |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thảo